TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 05 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 02 - 2020
V/v: Ly hôn giữa chị Tr và anh Nh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Lan

Các hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tiến Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ghi biên bản phiên tòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy: Không

Ngày 18 tháng 02 năm 2020, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự hôn nhân và gia đình thụ lý số 338/2019/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐST- HNGĐ ngày 31/01/2020.

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1990 – *Có mặt*

Địa chỉ: thôn Đ, xã TH, huyện TT, tỉnh TB

2. Bị đơn: Anh Đỗ Thế Nh, sinh năm 1992 – *Xin xử vắng mặt*

Nơi cư trú: thôn Đ, xã TH, huyện TT, tỉnh TB

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các đơn gửi Tòa án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Tr trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đỗ Thế Nh kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH vào ngày 24 tháng 01 năm 2018. Sau khi kết hôn do tính tình không hợp và do anh Nh có quan hệ ngoại tình nên chị và anh Nh phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Tháng 6/2019, mâu thuẫn giữa chị và anh Nh căng thẳng nên anh chị ly thân. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh Nh không còn nên chị đề nghị giải quyết ly hôn anh Nh.

Về việc nuôi dưỡng con chung: Chị và anh Nh có một con chung là Đỗ Nhật M, sinh ngày 02/10/2018. Chị đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, chấp nhận anh Nh cấp dưỡng nuôi con cùng chị là 1.500.000 đồng/tháng.

Về chia tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản.

- Tại bản tự khai ngày 31/12/2019, đơn đề ngày 13/01/2020 gửi Tòa án, bị đơn là anh Đỗ Thế Nh trình bày:

Giữa anh và chị Tr chung sống không hòa hợp, hay nghi ngờ lẫn nhau nên cuộc sống chung không hạnh phúc, anh nhất trí ly hôn chị Tr. Anh và chị Tr có một con chung là Đỗ Nhật M như chị Tr trình bày, anh đồng ý giao con chung cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, anh cấp dưỡng nuôi con cùng chị Tr 1.500.000 đồng/tháng đến khi con chung thành niên. Anh và chị Tr không nợ ai, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản. Anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Do không hòa giải được nên phải đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

[2.1]. *Quan hệ hôn nhân*:

Chị Tr và anh Nh kết hôn hợp pháp. Do tính tình không hợp, hai bên không còn tin tưởng nhau nên cuộc sống chung của anh, chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Từ tháng 6/2019 đến nay anh chị sống mỗi người một nơi, ai biết bổn phận của người đó, không có trách nhiệm gì với nhau và đều có đề nghị giải quyết ly hôn Vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Tr ly hôn anh Nh.

[2.2]. *Về con chung*: Chị Tr và anh Nh đều đề nghị giao con chung là Đỗ Nhật M, sinh ngày 02/10/2018 cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nh cấp dưỡng nuôi

con cùng chị Tr mỗi tháng 1.500.000 đồng. Áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu này của anh, chị. Giao cho chị Tr trực tiếp nuôi con Đỗ Nhật M sau khi ly hôn, anh Nh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Trang mỗi tháng 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3/2020 đến khi con chung thành niên. Anh Nh có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[2.3]. *Về phân chia tài sản chung, nợ chung*: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Đỗ Thế Nh phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

1. Về hôn nhân:

Xử cho chị Nguyễn Thị Tr ly hôn anh Đỗ Thế Nh;

2.Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Tr trực tiếp nuôi con Đỗ Nhật M, sinh ngày 02/10/2018. Anh Nh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Tr mỗi tháng 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3/2020 đến khi con chung thành niên. Anh Nh có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về phân chia tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Tr phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền được 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Tr đã nộp theo biên lai số 0002060 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT. Chị Nguyễn Thị Tr đã nộp đủ án phí. Anh Đỗ Thế Nh phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Tr có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Đỗ Thế Nh vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hợp lệ bản án.

6. Quyền yêu cầu thi hành án và nghĩa vụ chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Thái Học;*
- *TAND tỉnh Thái Bình;*
- *VKSND tỉnh Thái Bình*
- *VKSND huyện Thái Thuỵ;*
- *Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy*
- *Lưu hồ sơ*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Hương Lan